TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/HSST
Ngày 16/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Nguyễn Thị Dứa**.
- Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Minh Hường** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Vương -** Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng3 năm 2026; đối với:

1. Bị cáo: **Phạm Hoàng A**, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; HKTT: Xóm D, xã N, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Số D, ngõ I Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội; CCCD số: 036098002705; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn R, sinh năm 1970 con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; theo D chỉ bản số 09 do Công an thành phố H lập ngày 10/12/2025;

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2025 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Có mặt.

2. Bị hại: Chị **Hà Kiều N**, sinh năm 2003. Vắng mặt
Trú tại: Số D, ngõ I Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh **Trần Đinh B**, sinh năm 1978. Vắng mặt.
Trú tại: A Đ, phường Đ, Hà Nội.
- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971. Có mặt.
Trú tại: Xóm D, xã N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội truy tố:

Chị Hà Kiều N (Sinh năm: 2003; HKTT: L, Lào Cai) có quan hệ tình cảm với anh Phạm Hoàng A (Sinh năm: 1998; HKTT: N, Ninh Bình). Chị N và Phạm Hoàng A ở cùng nhà trọ với nhau từ tháng 4/2025 đến nay tại căn hộ chung cư mini tại địa chỉ phòng E, nhà số D ngõ I Đ, phường Đ, Hà Nội. Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/11/2025 chị N đi chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS:21CA-05594 về nhà trọ tại số D ngõ I Đ, dựng xe máy ở tầng 1 ngôi nhà rồi đi lên phòng 502. Khi vào phòng thì Hoàng A đang ở trong phòng, chị N ăn tối, tắm rửa, cất chiếc túi xách đựng giấy tờ cá nhân, chìa khóa xe, điện thoại ở mặt bàn trang điểm, sau đó lên giường đi ngủ. Đến khoảng 08h45 sáng ngày 27/11/2025 khi ngủ dậy, chị N mở túi xách tìm chìa khóa xe để đi ra ngoài thì không thấy đâu, N gọi điện cho Hoàng A hỏi thì Hoàng A nói là đã mang chiếc xe máy của chị N cùng với giấy tờ xe và chìa khóa xe mang đi cầm đồ tại cửa hàng C, địa chỉ nhà số A Đ, phường Đ, Hà Nội chủ cửa hàng cầm đồ là Trần Đình B1 (Sinh năm: 1978; HKTT: Xóm D Thôn T, T, Hà Nội) với giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Ngay sau đó chị N có kiểm tra lại dữ liệu camera tại tầng 1 nhà xe thì thấy vào lúc 21h46 ngày 26/11/2025 Hoàng A đã dắt chiếc xe máy của chị N từ trong nhà để xe ra ngoài đường. Sau đó chị N đi ra của hàng cầm đồ Bách Thủy thì thấy chiếc xe đang dựng trước cửa quán. Chị N có vào hỏi chủ quán là anh Trần Đình B1 về chiếc xe thì anh B1 nói là vào khoảng 21h50 tối ngày 26/11/2025 Hoàng A đã mang chiếc xe máy này đến cầm cố cho anh B1 với giá tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Đến tối ngày 28/11/2025, chị N đã đến Công an phường Định Công trình báo sự việc bị mất trộm xe máy, đề nghị cơ quan công an giải quyết sự việc theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- Tạm giữ của Trần Đình B1: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS:21CA-05594; SM: JK18E0306124; SK: RLHJF9539RY001740; 01 giấy đăng ký xe của chiếc xe máy biển kiểm soát 21CA-05594.

- Tạm giữ của Hà Kiều N: 01 USB có chứa video ghi lại sự việc Phạm Hoàng A trộm cắp chiếc xe máy tại nhà số D ngõ I Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Tại bản kết luận số 08 ngày 06/12/2025 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Hà Nội kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS : 21CA-05594; SM: JK18E0306124; SK: RLHJF9539RY001740 (xe đã qua sử dụng) tại thời điểm tháng 11/2025 có giá trị 70 triệu đồng.

Tại cơ quan công an Phạm Hoàng A khai nhận: Phạm Hoàng A và chị Hà Kiều N là người yêu của nhau và cùng ở trọ cùng với nhau tại địa chỉ số D ngõ I Đ, Đ, Hà Nội. Hoàng A biết chị N có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH: BKS: 21CA-055.94 để ở dưới tầng 1 của nhà trọ. Do cần tiền tiêu sài nên Hoàng A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy Honda SH mang BKS: 21CA-055.94 của chị Hà Kiều N để cầm cố lấy tiền tiêu sài. Khoảng 22h ngày 26/11/2025, Phạm Hoàng A thấy thìa khóa xe, giấy tờ xe của Hà Kiều N ở trong túi sách, để trên bàn. Khi chị N đang ngủ, Hoàng A lấy trộm chìa khóa xe và giấy tờ xe của N, sau đó xuống tầng

1 của khu nhà trọ, dắt chiếc xe nhãn hiệu Honda SH, BKS: 21CA-055.94 của chị N đi. Hoàng A mở khóa khu trọ và nổ máy mang chiếc xe đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ số A Đ, Đ, Hà Nội (cửa hàng C) được 40 triệu đồng. Sau khi nhận được số tiền 40 triệu đồng, Hoàng A đã tiêu sài hết.

Đối với 01 USB có chứa video ghi lại sự việc Phạm Hoàng A trộm cắp chiếc xe máy tại nhà số D ngõ I Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành chuyển hoá lưu kèm theo hồ sơ vụ án và cho Phạm Hoàng A xem lại và xác nhận.

Đối với người liên quan Trần Đình B1, quá trình cầm cố chiếc xe máy là vật chứng của vụ án và cho Hoàng A. Hành vi của B1 vi phạm lỗi "Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố" vi phạm điểm L, khoản 3, Điều 15 Nghị định số 282/NĐ-CP ngày 30/10/2025 Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng, chống bạo lực gia đình. Công an phường Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPHC ngày 25/02/2026 đối với Bách với lỗi vi phạm trên, hình thức phạt tiền 7.500.000 đồng.

Đối với Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS : 21CA-05594; SM: JK18E0306124; SK: RLHJF9539RY001740 xác định chị Hà Kiều N là chủ sở hữu do chị N mua mới từ tháng 04/2024 và đăng ký chính chủ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số A4241 ngày 23/02/2026, trao trả chiếc xe máy và giấy đăng ký xe cho chị N là chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Chị Hà Kiều N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu Phạm Hoàng A bồi thường dân sự. Chị N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phạm Hoàng A.

Anh Trần Đình B1 yêu cầu Phạm Hoàng A bồi thường số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) là số tiền anh B1 cầm cố chiếc xe máy. Ngày 31/12/2025 bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1971, HKTT: Xóm D, xã N, Ninh Bình) là mẹ đẻ của Hoàng A đã bồi thường cho anh B1 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng), anh B1 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra, Phạm Hoàng A đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-KV3, ngày 04/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Hoàng A về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Hoàng A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình và hòa nhập xã hội.

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hồi đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng A từ 24 - 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 – 60 tháng về tội trộm cắp tài sản, thời gian tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2025 đến ngày 16/4/2026)

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Hoàng A, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình B1 đã được bồi thường, bà Nguyễn Thị H người bồi thường thay bị cáo, không yêu cầu gì nên không xét.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của mình là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, nên không có tranh luận với Kiểm sát viên.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội, hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về hành vi vi phạm bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Hoàng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; vật chứng thu được của vụ án, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22h ngày 26/11/2025, tại căn hộ chung cư mini tại địa chỉ phòng E, nhà số D ngõ I Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội. Bị cáo Phạm Hoàng A đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Hà Kiều N là người yêu của bị cáo chung sống cùng phòng trọ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS: 21CA-05594; SM: JK18E0306124; SK: RLHJF9539RY001740 có giá trị 70.000.000 đồng, để đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Hoàng A đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Bị cáo Phạm Hoàng A là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Xét hành vi của bị cáo Phạm Hoàng A là rất nguy hiểm cho xã hội, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 70.000.000 đồng. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản là của chính người yêu bị cáo để lén lút chiếm đoạt tài sản, mục đích để đi cấm cố lấy tiền ăn tiêu thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự;

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều nhận tội và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bị cáo đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật;

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo trộm cắp tài sản là của người yêu bị cáo cùng sống chung tại một phòng trọ, bị hại chị N cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét không cần cách ly bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác theo quy định tại Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử, xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng lớn nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[4] Biện pháp tư pháp và các vấn đề khác: Không xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hà Kiều N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đình B1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ và anh B1 không có yêu cầu gì khác nên không xét.

- Đối với bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ bị cáo đã đứng ra bồi thường thay cho bị cáo và tại phiên tòa bà H không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên không xét.

[5] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 89, 135, 136, 328, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Điều 23, Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Hoàng A** 28 (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (Năm mươi sáu) tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2025 đến ngày 16/4/2026).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Hoàng A, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Phạm Hoàng A cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

"*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự"*.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: HĐXX không xét.

3. Biện pháp tư pháp: Không xét

4. Về án phí HSST: Bị cáo Phạm Hoàng A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 3;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS T.P Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Xuân Phương